

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên
Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2021)

Danh sách các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21/07/2021)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/07/2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/05/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Số: 65/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 30 tháng 09 năm 2021, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thụy Nhã Vy
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1875-2018-026-1
(Theo giấy ủy quyền số 06/2020-21/UQ-RSM
ngày 01 tháng 10 năm 2020)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.455.259.333.721	1.702.709.011.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.907.306.524	4.781.667.643
1. Tiền	111		4.907.306.524	2.310.421.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.471.246.136
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000	3.011.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000	3.011.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.070.744.215	200.440.990.266
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	172.611.731.817	204.920.061.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.590.798.344	3.205.384.182
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	15.754.413.775	13.305.880.139
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(21.924.242.080)	(21.028.377.479)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		38.042.359	38.042.359
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	1.274.442.587.577	1.492.332.569.909
1. Hàng tồn kho	141		1.274.442.587.577	1.492.332.569.909
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.837.695.405	2.142.784.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.634.129.394	1.833.662.544
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		203.566.011	281.248.693
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	27.872.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		715.561.954.691	726.333.873.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.919.504.983	6.481.569.342
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	5.919.504.983	6.481.569.342
II. Tài sản cố định	220		439.258.258.760	463.723.893.829
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	348.514.823.952	361.066.462.613
Nguyên giá	222		1.068.294.948.975	1.042.079.480.467
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(719.780.125.023)	(681.013.017.854)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	83.756.539.503	95.487.772.378
Nguyên giá	225		110.091.464.817	120.397.413.859
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.334.925.314)	(24.909.641.481)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	6.986.895.305	7.169.658.838
Nguyên giá	228		11.815.527.730	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.828.632.425)	(4.645.868.892)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		230.046.588.553	214.939.735.257
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	230.046.588.553	214.939.735.257
IV. Tài sản dài hạn khác	260		40.337.602.395	41.188.675.299
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	40.337.602.395	41.188.675.299
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.170.821.288.412	2.429.042.885.603

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.149.036.006.860	1.418.376.401.407
I. Nợ ngắn hạn	310		1.126.457.881.448	1.397.225.283.419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	216.065.781.663	276.564.161.228
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	15.422.556.333	16.488.953.541
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	11.270.976.426	9.852.203.094
4. Phải trả người lao động	314		2.304.280.980	4.256.774.553
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	14.766.622.831	14.122.603.043
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	214.830.966.456	208.527.585.547
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	642.118.332.272	858.367.293.238
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.678.364.487	9.045.709.175
II. Nợ dài hạn	330		22.578.125.412	21.151.117.988
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	16.439.018.588	14.072.011.164
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6.139.106.824	7.079.106.824
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.021.785.281.552	1.010.666.484.196
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	1.021.785.281.552	1.010.666.484.196
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.396.367.157	45.333.608.304
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.304.121.366	2.409.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		206.384.554.073	196.223.515.570
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		194.523.101.405	174.968.338.506
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.861.452.668	21.255.177.064
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.170.821.288.412	2.429.042.885.603



Phê duyệt
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

Nguyễn Thanh Dung
 Phó Tổng Giám đốc
 Bình Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Người lập

Lê Ngọc Khang
 Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	649.261.166.590	782.752.649.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	774.650.066
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		649.261.166.590	781.977.999.435
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	579.837.392.929	771.976.931.747
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.423.773.661	10.001.067.688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		510.460.227	449.981.691
7. Chi phí tài chính	22	5.3	22.097.974.444	42.312.704.261
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		21.911.270.763	41.695.194.429
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.227.063.072	5.317.002.942
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	9.433.642.854	18.643.214.974
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.175.553.518	(55.821.872.798)
11. Thu nhập khác	31		1.902.166.435	189.029.375
12. Chi phí khác	32	5.6	26.156.267.285	29.470.479.320
13. Lợi nhuận khác	40		(24.254.100.850)	(29.281.449.945)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.921.452.668	(85.103.322.743)
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(940.000.000)	20.487.584.431
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.861.452.668	(105.590.907.174)
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.861.452.668	(105.590.907.174)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.4	185	(1.742)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.5	185	(1.742)



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.861.452.668	(85.103.322.743)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	41.026.577.966	62.390.329.946
Các khoản dự phòng	03		895.864.601	32.071.595.294
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		204.737.100	(620.112.098)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(456.798.774)	(83.903.355)
Chi phí lãi vay	06	5.3	21.911.270.763	41.695.194.429
3. Lợi nhuận từ hoạt động	08		75.443.104.324	50.349.781.473
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.114.128.491	81.919.680.786
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		217.889.982.332	92.746.728.634
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(54.577.429.095)	(81.173.121.959)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.949.393.946)	1.828.507.813
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.911.270.763)	(41.695.194.429)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(110.000.000)	(355.711.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		243.899.121.343	103.620.671.318
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.851.879.590)	(22.886.407.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		854.545.455	2.460.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(9.920.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.010.000.000	3.426.112.400
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.805.215	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.891.528.920)	(26.920.294.692)

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	500.370.770.143	777.742.501.609
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(704.858.477.655)	(881.653.107.357)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.394.246.030)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(213.881.953.542)	(103.910.605.748)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		125.638.881	(27.210.229.122)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.781.667.643	43.365.726.311
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(239.930.888)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	4.907.306.524	15.915.566.301



Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4602000250 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 09 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30/06/2021 là 219 (01 tháng 01 năm 2021 là: 311).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

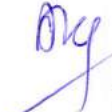
1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng;
- Sản xuất điện mặt trời, truyền tải và phân phối điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.


10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 2 công ty con trực tiếp. Trong kỳ, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Mỹ
1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

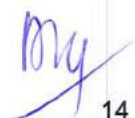
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 – 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 4 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 7 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 năm |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 60 – 120 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 34 – 43 năm |

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36;

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20 %.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.

DM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.923.306.684	791.183.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.983.999.840	1.519.238.235
Các khoản tương đương tiền	-	2.471.246.136
Cộng	4.907.306.524	4.781.667.643

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	43.350.768.078	149.316.052.513
Phải thu từ khách hàng:		
PT Blue Steel Industries	8.526.537.199	8.558.919.281
Công ty TNHH MTV SX Và ĐT Đức Long	43.041.146.500	-
Công ty TNHH MTV SX Và ĐT Thép An Bình	36.667.756.967	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Anh	920.331.830	6.478.338.282
Công ty TNHH SX TM Thép Thành Chung	3.781.172.002	3.781.172.002
Các khách hàng khác	36.324.019.241	36.785.578.987
Cộng	<u>172.611.731.817</u>	<u>204.920.061.065</u>

Trong đó, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 41.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo khoản cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Tại ngày 30/06/2021, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PT Blue Steel Industries	8.437.951.733	8.437.951.733	Trên 03 năm Từ 02 đến 03 năm	8.437.951.733	8.437.951.733	Trên 03 năm Từ 02 đến 03 năm
Công ty TNHH SX TM Thép Thành Chung	3.781.172.002	-	03 năm	3.781.172.002	-	-
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm
Các khách hàng khác	16.393.316.057	1.146.561.837		15.457.726.001	1.106.836.382	
Cộng	31.508.755.650	9.584.513.570		30.573.165.594	9.544.788.115	

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.523.617	-	4.523.617	-
Nguyên liệu, vật liệu	74.291.932.986	-	131.800.959.772	-
Công cụ, dụng cụ	74.479.082.356	-	52.169.217.464	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.672.433.008	-	6.513.876.938	-
Thành phẩm	603.466.254.622	-	605.993.569.441	-
Hàng hóa	515.528.360.988	-	695.850.422.677	-
Cộng	1.274.442.587.577	-	1.492.332.569.909	-

Giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 68.252.000.000 VND - Xem thêm mục 4.16.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Xây dựng nhà xưởng và máy móc, dây chuyền sản xuất	205.602.982.980	191.852.804.118
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.443.605.573	23.086.931.139
Cộng	230.046.588.553	214.939.735.257

Giá trị cuối kỳ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay là 111.800.000.000 VND – Xem thêm mục 4.16.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	131.131.578.054	862.979.310.690	46.416.543.873	1.552.047.850	1.042.079.480.467
Mua trong kỳ	-	16.904.766.000	-	-	16.904.766.000
Mua lại tài sản thuế	-	9.887.893.417	567.784.418	-	10.455.677.835
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.144.975.327)	-	(1.144.975.327)
Tại ngày 30/06/2021	131.131.578.054	889.771.970.107	45.839.352.964	1.552.047.850	1.068.294.948.975

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2021	55.620.921.814	592.758.648.261	31.143.060.011	1.490.387.768	681.013.017.854
Khấu hao trong kỳ	2.311.310.756	32.329.833.494	1.333.132.450	18.000.102	35.992.276.802
Mua lại tài sản thuế	-	3.352.021.276	74.232.522	-	3.426.253.798
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(651.423.431)	-	(651.423.431)
Tại ngày 30/06/2021	57.932.232.570	628.440.503.031	31.899.001.552	1.508.387.870	719.780.125.023

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2021	75.510.656.240	270.220.662.429	15.273.483.862	61.660.082	361.066.462.613
Tại ngày 30/06/2021	73.199.345.484	261.331.467.076	13.940.351.412	43.659.980	348.514.823.952

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 183.444.691.634 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 79.351.020.195 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Tại ngày 30/06/2021	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	4.110.985.571	534.883.321	4.645.868.892
Khấu hao trong kỳ	142.846.854	39.916.679	182.763.533
Tại ngày 30/06/2021	4.253.832.425	574.800.000	4.828.632.425
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	7.129.742.159	39.916.679	7.169.658.838
Tại ngày 30/06/2021	6.986.895.305	-	6.986.895.305

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 574.800.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	98.535.313.864	21.862.099.995	120.397.413.859
Mua lại tài sản thuê	(9.747.543.194)	(558.405.848)	(10.305.949.042)
Tại ngày 30/06/2021	88.787.770.670	21.303.694.147	110.091.464.817
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	20.356.329.696	4.553.311.785	24.909.641.481
Khấu hao trong kỳ	3.215.831.209	1.635.706.422	4.851.537.631
Mua lại tài sản thuê	(3.352.021.276)	(74.232.522)	(3.426.253.798)
Tại ngày 30/06/2021	20.220.139.629	6.114.785.685	26.334.925.314
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	78.178.984.168	17.308.788.210	95.487.772.378
Tại ngày 30/06/2021	68.567.631.041	15.188.908.462	83.756.539.503

Sau khi Nhóm công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ theo các hợp đồng thuê, Bên Cho thuê sẽ bán lại tài sản cho thuê và chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho thuê cho Nhóm công ty.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền thuê đất trả trước	38.751.911.515	39.323.301.283
Công cụ dụng cụ xuất dùng	850.094.685	989.664.265
Các khoản khác	735.596.195	875.709.751
Cộng	40.337.602.395	41.188.675.299

Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2 và III theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy cho đến năm 2055.

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của quyền sử dụng đất thuê đã được dùng để thế chấp là 38.751.911.515 VND – Xem thêm mục 4.16.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	833.236.704	833.236.704	52.684.020.348	52.684.020.348
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	67.202.499.585	67.202.499.585	65.413.216.885	65.413.216.885
Công Ty TNHH MTV SX Và ĐT Thép An Bình	72.095.798.775	72.095.798.775	92.232.003.502	92.232.003.502
Công Ty TNHH MTV SX Và ĐT Đức Long	37.274.868.400	37.274.868.400	-	-
Shenzhen one Touch Business	8.040.429.293	8.040.429.293	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	30.618.948.906	30.618.948.906	66.234.920.493	66.234.920.493
Cộng	216.065.781.663	216.065.781.663	276.564.161.228	276.564.161.228

Tại ngày 30/06/2021, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	460.124.418	-
Người mua trả tiền trước:		
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Và Đầu Tư Thép An Bình	-	2.754.887.635
Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Đầu Tư An Bình	4.475.057.342	4.497.057.342
JNB International General Trading LLC	2.476.277.940	1.816.004.664
Avic International Steel Trade (HK) Co., Ltd	1.725.249.725	1.725.249.725
Các khách hàng khác	6.285.846.908	5.695.754.175
Cộng	15.422.556.333	16.488.953.541

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	10.596.353.096	30.781.581.898	29.397.600.815	-	9.212.372.013
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	4.571.842.083	4.571.842.083	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	-	-	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.774.279	79.303.645	16.638.575	27.872.821	1.982.030
Các loại thuế khác	-	597.307.722	3.000.000	3.000.000	-	597.307.722
Cộng	-	11.270.976.426	35.435.727.626	33.989.081.473	27.872.821	9.852.203.094

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.239.468.101	11.239.468.101
Chi phí phải trả cho nhân viên	1.105.632.595	1.144.512.595
Các khoản trích trước khác	2.421.522.135	1.738.622.347
Cộng	14.766.622.831	14.122.603.043

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	206.208.124.397	198.745.714.147
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.622.842.059	9.781.871.400
Cộng	214.830.966.456	208.527.585.547

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	580.767.557.469	580.767.557.469	419.844.770.143	611.667.761.185	772.590.548.511	772.590.548.511
Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan – Xem thêm mục 8	49.983.628.960	49.983.628.960	80.526.000.000	92.023.510.096	61.481.139.056	61.481.139.056
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	11.367.145.843	11.367.145.843	-	-	24.295.605.671	24.295.605.671
Cộng	642.118.332.272	642.118.332.272	500.370.770.143	703.691.271.281	858.367.293.238	858.367.293.238
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	716.091.618	716.091.618	-	1.167.206.374	1.883.297.992	1.883.297.992
Nợ thuê tài chính	27.090.072.813	27.090.072.813	-	9.394.246.030	36.484.318.843	36.484.318.843
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(11.367.145.843)	(11.367.145.843)	-	-	(24.295.605.671)	(24.295.605.671)
Cộng	16.439.018.588	16.439.018.588	-	10.561.452.404	14.072.011.164	14.072.011.164

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần với tổng hạn mức 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; Mở LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc và hàng hóa nhập khẩu – Xem thêm mục 4.5, mục 4.6 và mục 4.7.
 - Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 360.000.000.000 VND (Ba trăm sáu mươi tỷ VND), lãi suất 6,50 – 7,80%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại 1 phần lô CN8, KCN Sóng Thần, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Máy móc thiết bị; Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển; hàng hóa thuộc sở hữu của Nhóm công ty tại kho Sóng Thần III, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Kho Thanh Trúc, 300/20 đường DT 743A, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Tài sản của các bên liên quan – Xem thêm mục 4.2, mục 4.5, mục 4.7, và mục 4.10.
 - Vay dài hạn ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 2.000.000.000 VND (hai tỷ VND), lãi suất 9,59%/năm, để mua phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ khoản vay – Xem thêm mục 4.7.
- Các khoản vay cá nhân được chi tiết như sau:
- Vay ngắn hạn cá nhân của ông Nguyễn Thanh Nghĩa bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,30%/năm.
 - Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Liên bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
 - Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Loan bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
 - Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Dung bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillese và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thời hạn thuế từ 34 tháng đến 120 tháng, lãi suất thuế từ 8,00% đến 10,00%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

Thời hạn:	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	19.464.513.332	1.419.138.587	18.045.374.745	24.900.513.975	2.154.872.976	22.745.640.999
Trên 1 năm đến 5 năm	9.287.431.327	242.733.259	9.044.698.068	14.331.779.911	593.102.067	13.738.677.844
Cộng	28.751.944.659	1.661.871.846	27.090.072.813	39.232.293.886	2.747.975.043	36.484.318.843

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	174.968.338.506	989.411.307.132
Lỗ trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	(105.590.907.174)	(105.590.907.174)
Tại ngày 30/06/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	69.377.431.332	883.820.399.958
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	126.846.084.238	126.846.084.238
Tại ngày 01/01/2021	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	196.223.515.570	1.010.666.484.196
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	11.861.452.668	11.861.452.668
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.062.758.853	-	(1.062.758.853)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(637.655.312)	(637.655.312)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	46.396.367.157	2.304.121.366	206.384.554.073	1.021.785.281.552

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	119.229.890.000	120.111.790.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	26.195.800.000	26.195.800.000
Bà Nguyễn Thanh Trúc	24.350.000.000	24.350.000.000
Cổ đông khác	10.934.920.000	10.053.020.000
Cộng	614.356.040.000	614.356.040.000

4.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	11.861.452.668	(105.590.907.174)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(637.655.312)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.223.797.356	(105.590.907.174)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.630.984	60.630.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	185	(1.742)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	11.861.452.668	(105.590.907.174)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(637.655.312)	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.223.797.356	(105.590.907.174)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.630.984	60.630.984
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	185	(1.742)

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
USD	38.427,41	38.353,73

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	646.850.480.621	780.810.623.252
Doanh thu cung cấp dịch vụ	366.423.369	1.942.026.249
Doanh thu bán điện	2.044.262.600	-
Cộng	649.261.166.590	782.752.649.501

Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

	155.025.574.686	257.835.358.849
--	-----------------	-----------------

Doanh thu kỳ này giảm hơn 17% so với kỳ trước chủ yếu do sản lượng bán giảm. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh mạnh tại thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Đồng thời, hoạt động xuất khẩu của Nhóm công ty gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 và các biện pháp tự vệ thương mại của các quốc gia.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng	578.913.349.665	739.905.336.453
Giá vốn bán điện	924.043.264	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	32.071.595.294
Cộng	579.837.392.929	771.976.931.747

5.3. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	21.911.270.763	41.695.194.429
Chi phí tài chính khác	186.703.681	617.509.832
Cộng	22.097.974.444	42.312.704.261

Chi phí tài chính kỳ này giảm hơn 48% so với kỳ trước chủ yếu do giảm chi phí lãi vay vì Nhóm công ty giảm sử dụng vốn vay Ngân hàng và mua lại các tài sản thuê.

5.4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí quảng cáo	1.117.719.969	1.547.862.493
Chi phí vận chuyển	1.164.361.546	783.828.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	403.019.550
Chi phí nhân viên	484.063.723	1.098.110.341
Các khoản chi phí bán hàng khác	460.917.834	1.484.182.337
Cộng	3.227.063.072	5.317.002.942

Chi phí bán hàng kỳ này giảm hơn 39% so với kỳ trước chủ yếu do sụt giảm hoạt động xuất khẩu, cắt giảm chi phí quảng cáo và các chi phí hoạt động bán hàng tại các chi nhánh.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	3.188.986.162	11.032.390.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.347.160.636	4.238.833.787
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	895.864.601	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.056.046.241	1.840.927.015
Các khoản chi phí QLDN khác	1.945.585.214	1.531.063.786
Cộng	9.433.642.854	18.643.214.974

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này giảm hơn 49% so với kỳ trước chủ yếu do cắt giảm số lượng nhân viên quản lý và các chi phí hoạt động tại các chi nhánh.

5.6. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	24.962.304.534	25.322.242.233
Các chi phí khác do tạm ngưng ngưng hoạt động	414.616.414	4.019.866.040
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	493.551.896	-
Các khoản khác	285.794.441	128.371.047
Cộng	26.156.267.285	29.470.479.320

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.872.726.359	561.239.033.988
Chi phí nhân công	7.072.937.429	15.543.884.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.026.577.966	62.390.329.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.695.913.523	26.196.725.275
Chi phí khác bằng tiền	2.406.503.048	2.605.233.256
Cộng	354.074.658.325	667.975.206.545

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Nhóm Công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	500.370.770.143	777.742.501.609

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(704.858.477.655)	(881.653.107.357)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức
2. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
 Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	40.332.768.078	146.298.052.513
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	3.018.000.000	3.018.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.2	43.350.768.078	149.316.052.513
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	3.996.334.813	5.063.109.897
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	3.068.206.530	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	818.560.920	818.560.920
Cộng – Xem thêm mục 4.3	7.883.102.263	5.881.670.817
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(833.236.704)	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	-	(52.684.020.348)
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(833.236.704)	(52.684.020.348)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CONĐịa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(460.124.418)	-
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả ngắn hạn khác:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(205.660.018.527)	(198.669.714.277)
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(472.106.000)	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(75.999.870)	(75.158.800)
Cộng – Xem thêm mục 4.15	(206.208.124.397)	(198.745.714.147)
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vay ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(23.465.792.436)	(34.963.302.532)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(24.587.103.274)	(24.587.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(866.733.250)	(866.733.250)
Cộng – Xem thêm mục 4.16	(49.983.628.960)	(61.481.139.056)
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(129.689.913)	(129.689.913)
Cộng – Xem thêm mục 4.14	(11.239.468.101)	(11.239.468.101)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	155.025.574.686	195.158.294.849
Công ty TNHH Cơ khí Và Xây dựng DTL	-	62.677.064.000
Cộng – Xem thêm mục 5.1	155.025.574.686	257.835.358.849
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	1.027.986.288	127.962.750.494
Công ty TNHH Cơ khí Và Xây dựng DTL	-	38.913.809.908
Cộng	1.027.986.288	166.876.560.402
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc:		
Vay tiền	80.526.000.000	23.611.000.000
Mượn tiền	7.339.000.000	90.862.826.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	102.534.000	102.901.800
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	135.197.400	199.730.600
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	91.892.200	140.400.500
Bà Nguyễn Thanh Dung	20.000.000	140.929.100
Bà Nguyễn Thanh Loan	33.164.500	217.599.300
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	102.942.400	113.411.900
Các thành viên quản lý chủ chốt khác	1.153.327.000	4.240.155.395
Cộng	1.639.057.500	4.937.529.295

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Nhóm công ty đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 6 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 3 – 4 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở mục 4.16.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang có tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Nhóm công ty đến 30/06/2021 nhưng Nhóm công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Phê duyệt
Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2021

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng